TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-ST
Ngày: 14-4-2026
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trịnh Thuỳ Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Niên.**
2. Ông **Trần Văn Bé Hai.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Huỳnh Trọng Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2025/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn D, phường Bến T, thành phố V, tỉnh Nghệ A (nay là Số 128 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An).

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL N

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hồ Minh N, sinh năm 1994.

Địa chỉ liên hệ: Số 300, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Số 300, đường 30/4, phường Cao L, tỉnh Đồng Tháp) (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2025).

Bị đơn: Chị Trần Thị Da H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số nhà 193, Tổ 8, Ấp 1, xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Da H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồ Minh N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/12/2023, chị Trần Thị Da H và chi nhánh Đồng Tháp – thành phố Cao Lãnh 3 – Công ty Cổ phần S có ký Hợp đồng mua bán tài sản, đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/. Cụ thể:

Tài sản mua bán:

+ 01 xe môtô hai bánh BKS 66F2-025.39

+ Loại xe: Vision màu: Màu đỏ đen

+ Số khung: RLHJK0349PZ401436 - số máy JK03E6212979;

+ Giá bán: 27.397.746 VNĐ, thời hạn trả là 12 tháng (từ 30/12/2023 đến 30/12/2024), số tiền thanh toán mỗi tháng là 2.283.145 VNĐ.

Theo Hợp đồng mua bán đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho chị Trần Thị Da H.

Chị Trần Thị Da H sẽ trả dần số tiền mua chiếc xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền là 2.283.145 đồng mỗi tháng như đã thỏa thuận.

Chị Trần Thị Da H có nghĩa vụ trả đủ tiền mua chiếc xe như đã thỏa thuận giả theo hợp đồng mua bán.

Quá trình trả dần số tiền mua xe, chị Trần Thị Da H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho Công ty từ ngày 30/03/2024, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 259 ngày. Chị Trần Thị Da H không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tạm tính đến ngày 14/12/2024, chị Trần Thị Da H còn nợ Công ty Cổ phần S (gọi tắt Công ty) số tiền mua xe chưa trả là 21.245.058 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, năm mươi tám đồng).

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà chị Trần Thị Da Hy tại địa chỉ: Số Nhà 193, Tổ 8, Ấp 1, Mỹ H, Cao L, Đồng Tháp (Nay là Tổ 8, Ấp 1, xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp) nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để chị Trần Thị Da H trả lại tiền hoặc tài

sản là xe máy đã mua cho Công ty, nhưng chị Trần Thị Da H không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả lại tài sản của Công ty.

Theo đơn khởi kiện Công ty Cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp giải quyết:

Buộc chị Trần Thị Da H phải có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Công ty Cổ Phần S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/12/2024 là 21.245.058 VNĐ (Hai mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm mươi tám đồng), bao gồm: Tiền mua xe còn lại chưa trả theo hợp đồng là: 19.214.629 đồng, Số tiền phí thanh toán trễ hạn do vi phạm thời hạn thanh toán hàng tháng theo hợp đồng 4%/tháng/dư nợ hàng tháng tính đến ngày 14/12/2024 là: 2.030.429 đồng. Trường hợp chị Trần Thị Da H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ Phần S được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S. Trong đó tài sản đảm bảo là chiếc mô tô hai bánh biển kiểm soát: 66F2-025.39, nhãn hiệu Vision, màu đỏ đen, số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy: JK03E6212979. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Trần Thị Da H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S. Ngoài ra chị Trần Thị Da H còn phải tiếp tục chịu phí phát sinh do chậm trễ thanh toán theo Hợp đồng mua bán đã ký kết ngày 30/12/2023 với mức phí 4%/tháng/dư nợ hàng tháng kể từ ngày 14/12/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ và tòa án giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hồ Minh N là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần S có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Do chị Da H cần vốn nên có vay tiền của Công ty, thế chấp giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên chủ sở hữu Trần Thị Da H, biển kiểm soát 66F2-025.39. Hình thức là Công ty Cổ phần S và chị Trần Thị Da H ký giấy bán xe vào ngày 30/12/2023, với số tiền là 14.937.000 đồng, nhưng không sang tên.

Sau đó, Công ty bán lại chiếc xe này cho chị Da H sử dụng. Số tiền Công ty bán cho chị Da H là 27.397.746 đồng, thời hạn thanh toán là 12 tháng, chị Da H có nghĩa vụ trả cho Công ty mỗi tháng số tiền 2.283.145,51 đồng; Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận nội dung về phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn) và phí phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Đối với Giấy bán xe thể hiện số tiền là 14.937.000 đồng. Nhưng thực ra, giữa hai bên không có việc mua bán xe nêu trên, việc ký hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng mua bán xe cùng ngày 30/12/2023 chỉ nhằm để đảm bảo cho một giao dịch dân sự khác là hợp đồng vay tài sản mà chị Da H vay của Công ty cổ phần S, tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của chị Da H và số tiền chị Da H đã vay là số tiền thể hiện trong Giấy bán xe. Hiện nay, chị Da H đang quản lý tài sản là chiếc xe môtô hai bánh BKS 66F2-025.39, Loại xe: Vision, màu: đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy JK03E6212979; do Công an xã Mỹ Hiệp cấp ngày 15/03/2023, Công ty Cổ Phần S chỉ giữ giấy đăng ký xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Da H chỉ thanh toán cho Công ty được số tiền là 7.244.000 đồng tiền lãi, sau đó ngưng cho đến nay không trả tiền cho Công ty. Nay Công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị Da H có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền còn nợ tổng cộng là 11.139.500 đồng (bao gồm tiền gốc là 14.937.000 đồng, tiền lãi là 3.446.563 đồng, với lãi suất là 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2024, đối với số tiền thu lãi vượt, do chị Da H đã trả được số tiền 7.244.000 đồng tiền lãi, nên nguyên đơn đồng ý khấu trừ vào phần nợ gốc).

Do đó, Công ty Cổ Phần S thay đổi yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe ngày 30/12/2023 giữa chị Trần Thị Da H với Công ty Cổ Phần S là vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ Phần S với chị Trần Thị Da H là vô hiệu.

- Yêu cầu chị Trần Thị Da H thanh toán cho Công ty Cổ Phần S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/4/2026 là 11.139.500 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả theo quy định cho đến khi trả xong nợ.

Hiện nay, giấy đăng ký xe mô tô vẫn đứng tên chị Da H. Chị Da H đang sử dụng xe nên Công ty thống nhất đã trả lại tài sản xong. Công ty không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định và định giá tài sản đối với chiếc xe này. Riêng giấy đăng ký xe môtô hai bánh BKS 66F2-025.39, Loại xe: Vision, màu: đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436 - số máy JK03E6212979, do Công an xã Mỹ Hiệp cấp ngày 15/03/2023 cho chị Trần Thị Da H, khi chị Trần Thị Da H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần S sẽ trả lại cho chị Da Hy.

Bị đơn chị Trần Thị Da H: Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa,

bên cạnh đó chị cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Giấy uỷ quyền (Bản chính);
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao chứng thực);
- 01 Giấy đăng ký xe (Bản sao chứng thực);
- 01 Giấy bán xe (Bản sao chứng thực);
- 01 Hợp đồng mua bán xe (Bản sao chứng thực);
- 01 Phiếu yêu cầu đăng ký biên pháp bảo đảm, hợp đồng (Bản photo).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được công khai cho chị Da H biết nhưng chị Da H không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe cùng ngày 30/12/2023 là vô hiệu; yêu cầu chị Trần Thị Da H có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 11.139.500 đồng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản". Bị đơn chị Trần Thị Da H có địa chỉ tại xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Da H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Da H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần S thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe ngày 30/12/2023 giữa chị Trần Thị Da H với Công ty Cổ Phần S là vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ Phần S là vô hiệu.

- Yêu cầu chị Trần Thị Da H thanh toán cho Công ty Cổ Phần S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/4/2026 là 11.139.500 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả theo quy định cho đến khi trả xong nợ.

Công ty Cổ phần S đồng ý trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe môtô hai bánh BKS 66F2-025.39, Loại xe: Vision, màu: Màu đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436 - số máy JK03E6212979, do Công an xã Mỹ Hiệp cấp ngày 15/03/2023 cho chị Trần Thị Da H, khi chị Trần Thị Da H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Công ty Cổ phần S.

Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng mua bán xe cùng ngày 30/12/2023 vô hiệu: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp: "Giấy bán xe" và "Hợp đồng mua bán xe" cùng ngày 30/12/2023 với nội dung chị Trần Thị Da H đồng ý bán xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39, Loại xe: Vision, màu: Màu đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy JK03E6212979 cho Công ty với giá 14.937.000 đồng và cùng ngày Công ty bán lại cho chị Da H tài sản nói trên với giá 27.397.746,07 đồng, thời hạn thanh toán là 12 tháng, chị Da Hy có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mỗi tháng số tiền là 2.283.145,51 đồng. Tuy nhiên, xe môtô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39 là loại tài sản bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại Điều 106 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008 nên mặc dù giữa Công ty và chị Da H có thỏa thuận mua bán xe nhưng Công ty chưa thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu theo quy định, hiện nay xe vẫn thuộc quyền sở hữu của chị Da H. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty thừa nhận việc thỏa thuận mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng mua bán xe cùng ngày 30/12/2023 chỉ nhằm mục đích che giấu cho giao dịch vay tiền có thế chấp tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39 giữa chị Da H và Công ty, cụ thể chị Da Hy đã thế chấp giấy tờ đăng ký xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39 cho Công ty để vay số tiền 14.937.000 đồng (lý do có số lẻ là vì Công ty cho vay dựa trên giá trị còn lại của tài sản thời điểm thế chấp). Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố

hợp đồng mua bán xe dưới hình thức Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe cùng ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần S với chị Trần Thị Da H là các giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại các Điều 116, 117, 124 Bộ luật dân sự.

[3] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Do các giao dịch mua bán xe và cho thuê xe cùng ngày 04/9/2024 bị tuyên vô hiệu nên giao dịch bị che giấu là giao dịch vay tiền có thế chấp tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39 giữa chị Da H và Công ty có hiệu lực. Đối với Giấy bán xe ngày 30/12/2023 thể hiện số tiền là 14.937.000 đồng là số tiền chị Da Hy đã vay của Công ty; Lời trình bày của Công ty là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Do đó, có căn cứ xác định chị Da H đã vay của Công ty số tiền 14.937.000 đồng vào ngày 30/12/2023.

[4] Theo các tài liệu chứng cứ và nội dung trình bày của Công ty, thì sau khi vay tiền chị Da H đã trả lãi cho Công ty được 7.244.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Công ty cũng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị Da H trả tiền nhưng chị Da H cố tình trốn tránh, không chịu trả cho Công ty. Như vậy, có cơ sở xác định chị Da H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo thỏa thuận. Do đó buộc chị Da H trả số tiền còn nợ theo yêu cầu của Công ty là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: Xét thấy giao dịch giữa Công ty Cổ phần S với chị Trần Thị Da H đây là khoản vay có lãi, tại văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lãi suất thành 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn thừa nhận trong quá trình vay tiền chị Da H đóng lãi được 7.244.000 đồng thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2026 với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 3.446.563 đồng (làm tròn 3.446.500 đồng) và đồng ý tự nguyện khấu trừ số tiền chị Da H đóng lãi vượt quy định là 3.797.500 đồng vào số tiền nợ gốc 14.937.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chị Trần Thị Da H trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 14/4/2026 số tiền là 11.139.500 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng chị Da H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời chị Da H cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên

đơn cung cấp. Tuy nhiên, chị Da H không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, chị Da H phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của Công ty Cổ phần S là có căn cứ.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe ngày 30/12/2023 và Hợp đồng mua bán xe ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần S với chị Trần Thị Da H là các giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc chị Trần Thị Da H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 11.139.500 đồng (Mười một triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

Khi chị Trần Thị Da H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thị Da H giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 66F2-025.39, Loại xe: Vision, màu: Màu đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy JK03E6212979, do Công an xã Mỹ Hiệp cấp ngày 15/03/2023 cho chị Trần Thị Da H.

[8] Đối với chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F2-025.39, Loại xe: Vision F1 màu: Màu đỏ, Số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy JK03E6212979 chị Da H đang quản lý, sử dụng, Công ty không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị đơn chị Trần Thị Da H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 557.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại 531.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007359 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 106, Điều 116, Điều 117, Điều 124, Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe ngày 30/12/2023 và Hợp đồng mua bán xe ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần S với chị Trần Thị Da H là các giao dịch dân sự vô hiệu.

1.2. Buộc chị Trần Thị Da H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 11.139.500 đồng (Mười một triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 66F2-025.39, Loại xe: Vision màu: Màu đỏ đen, Số khung: RLHJK0349PZ401436, số máy JK03E6212979, do Công an xã Mỹ Hiệp cấp cho chị Trần Thị Da Hy ngày 15/03/2023 khi chị Trần Thị Da H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí:

2.1. Chị Trần Thị Da H có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 557.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

2.2. Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại 531.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007359 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Trịnh Thùy Vân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thùy Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phượng – Phan Quốc Tiến **Nguyễn Thị Duyên**